

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 24

201
ĐN
VHI
ÁN
T
Y.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/02/2017)
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/02/2017)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM



Nguyễn Quỳnh Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/07/2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

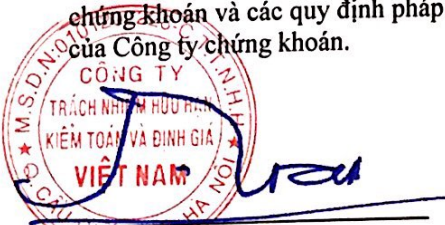
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chứng khoán.



Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		15.919.303.070	20.405.482.217
I. Tài sản tài chính	110		14.922.953.607	19.649.517.744
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.	12.177.356.105	17.769.211.621
1.1. Tiền	111.1		12.177.356.105	17.769.211.621
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
8. Trả trước cho người bán	118	V.3.	1.780.190.373	1.854.898.994
9. Phải thu các dịch vụ CT chứng khoán cung cấp	119	V.4.	965.137.127	25.137.127
12. Các khoản phải thu khác	122	V.4.	270.002	270.002
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129		-	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		996.349.463	755.964.473
1. Tạm ứng	131		-	2.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5.	797.304.355	572.176.074
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		199.045.108	181.788.399
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		7.963.209.384	6.024.754.520
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.231.605.505	51.996.667
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	36.397.171	51.996.667
- Nguyên giá	222		2.494.098.813	2.494.098.813
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(2.457.701.642)	(2.442.102.146)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	4.195.208.334	-
- Nguyên giá	228		5.186.633.000	900.633.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(991.424.666)	(900.633.000)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	2.233.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	250		3.731.603.879	3.739.757.853
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9.	490.366.800	490.366.800
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5.	2.067.858.878	2.085.466.261
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.6.	1.173.378.201	1.163.924.792
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.882.512.454	26.430.236.737

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		399.837.542	311.220.595
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		399.837.542	311.220.595
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		950	950
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.13.	66.000.000	66.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.14.	79.423.118	58.548.572
11. Phải trả người lao động	323		250.392.973	182.650.572
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		501	501
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.15.	4.020.000	4.020.000
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		23.482.674.912	26.119.016.142
I. Vốn chủ sở hữu	410		23.482.674.912	26.119.016.142
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		35.000.000.000	35.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		35.000.000.000	35.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.17.	(11.517.325.088)	(8.880.983.858)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(11.517.325.088)	(8.880.983.858)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		23.882.512.454	26.430.236.737

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
 (tiếp theo)

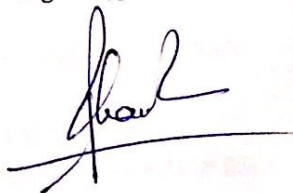
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết			3.500.000	3.500.000
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		3.500.000	3.500.000
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.10.	227.720.610.000	182.682.030.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		171.620.510.000	88.645.060.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		56.000.000.000	58.700.000.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		100.100.000	35.336.970.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.11.	19.930.000	16.140.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự cho chuyển nhượng	022.1		19.930.000	16.140.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	V.12.	2.036.631.908	942.621.728
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		1.735.259.908	908.501.728
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch	029		301.372.000	34.120.000
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		301.372.000	34.120.000
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.16.	2.036.631.908	942.621.728
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		1.402.044.090	942.621.728
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		634.587.818	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		1.900	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			-	-
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		45.350.734	102.004.452
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		1.340.000.000	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		9.169.005	71.050.157
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	27.272.727
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		87.514.295	117.781.266
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 ->11)	20	VI.1	1.482.034.034	318.108.602
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		337.760.565	14.223.095
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		45.699.046	51.989.958
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	352.331.474
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 ->32)	40	VI.2	383.459.611	418.544.527
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.3	2.816.403	83.065.983
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		2.816.403	83.065.983
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.4	3.737.732.056	1.891.505.205
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(2.636.341.230)	(1.908.875.147)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		-	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(2.636.341.230)	(1.908.875.147)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(2.636.341.230)	(1.908.875.147)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		(2.636.341.230)	(1.908.875.147)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		(753)	-
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		(753)	-
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

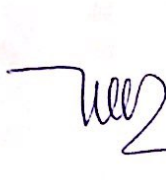
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh



(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(2.636.341.230)	(1.908.875.147)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		103.574.759	(26.457.993)
- Khấu hao tài sản cố định	03		106.391.162	56.607.990
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(2.816.403)	(83.065.983)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(1.008.905.448)	(147.640.740)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(940.000.000)	(27.656.640)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		-	(70.071.747)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(15.256.709)	(9.997.707)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		-	282.704.545
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(207.520.898)	(216.165.763)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		74.708.621	(9.593.200)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		20.874.546	(177.838.486)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		67.742.401	118.400.931
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		-	(37.422.673)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(9.453.409)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(3.541.671.919)	(2.082.973.880)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		(2.053.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		2.816.403	42.356.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(2.050.183.597)	42.356.146
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)	90		(5.591.855.516)	(2.040.617.734)
V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101		17.769.211.621	30.363.219.680
- Tiền	102		17.769.211.621	30.363.219.680
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103		12.177.356.105	28.322.601.946
- Tiền	104		12.177.356.105	28.322.601.946

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		14.617.997.400	37.031.584.600
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(9.801.389.200)	(21.062.513.000)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		15.585.323.486	44.405.264.912
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(19.307.921.506)	(61.424.371.023)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		<i>1.094.010.180</i>	<i>(1.050.034.511)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		942.621.728	3.499.047.214
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		942.621.728	3.499.047.214
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		908.501.728	2.782.047.214
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		34.120.000	717.000.000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		2.036.631.908	2.449.012.703
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		2.036.631.908	2.449.012.703
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		1.735.259.908	1.988.812.703
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		301.372.000	460.200.000
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Phạm Thị Tuyết Thanh


Lê Hồng Hạnh




Nguyễn Quỳnh Anh

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Địa chỉ: F301, Tòa nhà Trung tâm thương mại Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B04a-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

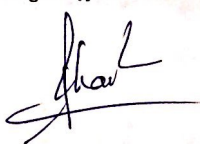
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
				Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017			
		01/01/2016	01/01/2017	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	30/06/2016	30/06/2017
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(3.700.074.479)	(8.880.983.858)	-	1.908.875.147	-	2.636.341.230	(5.608.949.626)	(11.517.325.088)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(3.700.074.479)	(8.880.983.858)	-	1.908.875.147	-	2.636.341.230	(5.608.949.626)	(11.517.325.088)
Cộng		31.299.925.521	26.119.016.142	-	1.908.875.147	-	2.636.341.230	29.391.050.374	23.482.674.912

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng theo giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016 là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008, số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 và số 11/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/05/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008 và cấp lại ngày 31/10/2016.

Theo Giấy phép số 96/UBCK-GP thì vốn điều lệ của Công ty là **35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn)**.

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 ngày 03/05/2017.

Trụ sở chính

Địa chỉ: F301, Tòa nhà Trung tâm thương mại Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./.

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền bù thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

2.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán", Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- Tài sản cố định khác

02 - 05

02

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán", Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Phần mềm máy tính

03 - 05

3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuê văn phòng và chi phí khác liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thi công lắp đặt nội thất Văn phòng và mua máy móc thiết bị và chi phí khác chờ phân bổ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;
- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác;
- Doanh thu cho thuê, sử dụng tài sản.

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

1. Tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	89.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	12.088.356.105	17.769.211.621
Cộng	<u>12.177.356.105</u>	<u>17.769.211.621</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch VND
a) Khối lượng giao dịch của Công ty	-	-
- Cổ phiếu	-	-
b) Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư	1.572.705	17.966.379.600
- Cổ phiếu	1.572.705	17.966.379.600

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	9.859.000	9.859.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ tin học HPT	1.579.289.694	1.579.289.694
Công ty Cổ phần F.E.T	170.000.000	170.000.000
Các đối tượng khác	21.041.679	95.750.300
Cộng	1.780.190.373	1.854.898.994

4. Các khoản phải thu

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	965.137.127	25.137.127
Các khoản phải thu khác	270.002	270.002
Cộng	965.407.129	25.407.129

5. Chi phí trả trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	797.304.355	572.176.074
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	7.499.317	-
Chi phí thuê văn phòng	566.967.273	556.972.574
Chi phí khác chờ phân bổ	222.837.765	15.203.500
b) Dài hạn	2.067.858.878	2.085.466.261
Chi phí thi công lắp đặt nội thất Văn phòng và mua máy móc thiết bị	2.040.215.584	2.040.215.584
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	7.153.786	-
Chi phí khác chờ phân bổ	20.489.508	45.250.677
Cộng	2.865.163.233	2.657.642.335

6. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	742.761.256	742.761.256
Tiền lãi phân bổ trong năm	310.616.945	301.163.536
Cộng	1.173.378.201	1.163.924.792

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2017	2.404.224.813	89.874.000	2.494.098.813
Số dư ngày 30/06/2017	2.404.224.813	89.874.000	2.494.098.813
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2017	2.352.228.146	89.874.000	2.442.102.146
Khấu hao trong kỳ	15.599.496	-	15.599.496
Số dư ngày 30/06/2017	2.367.827.642	89.874.000	2.457.701.642
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	51.996.667	-	51.996.667
Tại ngày 30/06/2017	36.397.171	-	36.397.171

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.338.103.813 đồng.

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2017	900.633.000	900.633.000
Đầu tư, thiết kế, lắp đặt phần mềm	4.286.000.000	4.286.000.000
Số dư ngày 30/06/2017	5.186.633.000	5.186.633.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2017	900.633.000	900.633.000
Khấu hao trong kỳ	90.791.666	90.791.666
Số dư ngày 30/06/2017	991.424.666	991.424.666
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	-	-
Tại ngày 30/06/2017	4.195.208.334	4.195.208.334

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 914.313.000 đồng.

9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	Số trả trong kỳ VND	42551 VND
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	490.366.800	490.366.800
Cộng	490.366.800	490.366.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

10. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	171.620.510.000	88.645.060.000
2. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	-	-
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	56.000.000.000	58.700.000.000
4. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	-
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	100.100.000	35.336.970.000
Cộng	227.720.610.000	182.682.030.000

11. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	19.930.000	16.140.000

12. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.036.631.908	942.621.728
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	1.735.259.908	908.501.728
1.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	301.372.000	34.120.000
Cộng	2.036.631.908	942.621.728

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Cavico giao thông	66.000.000	66.000.000
Cộng	66.000.000	66.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	79.423.118	58.548.572
Cộng	79.423.118	58.548.572

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

15. Phải trả, phải nộp khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.990.000	3.990.000
Các khoản phải trả khác	30.000	30.000
Cộng	4.020.000	4.020.000

16. Phải trả Nhà đầu tư

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.036.631.908	942.621.728
- Nhà đầu tư trong nước	1.402.044.090	942.621.728
- Nhà đầu tư nước ngoài	634.587.818	-
Cộng	2.036.631.908	942.621.728

17. Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(11.517.325.088)	(8.880.983.858)
Cộng	(11.517.325.088)	(8.880.983.858)

(*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

18. Cổ phiếu đang lưu hành

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= 1 năm	3.500.000	3.500.000
Cộng	3.500.000	3.500.000

VI. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ

1. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	45.350.734	102.004.452
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.340.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	27.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	9.169.005	71.050.157
Thu nhập hoạt động khác	87.514.295	117.781.266
Cộng	1.482.034.034	318.108.602

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	337.760.565	14.223.095
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	45.699.046	51.989.958
Chi phí các dịch vụ khác	-	352.331.474
Cộng	383.459.611	418.544.527

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.816.403	83.065.983
Cộng	2.816.403	83.065.983

4. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.500.827.040	1.059.724.181
Chi phí vật tư văn phòng	20.531.234	5.979.515
Chi phí công cụ, dụng cụ	42.992.361	5.920.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	106.391.162	56.607.990
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.766.600.089	705.260.200
Chi phí khác	297.390.170	53.012.865
Cộng	3.737.732.056	1.891.505.205

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

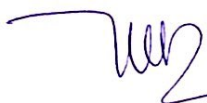
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Phạm Thị Tuyết Thanh



Lê Hồng Hạnh



Nguyễn Quỳnh Anh